

Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số 13

Jeff Pippenger
2025-12-18

Số mười ba

Hiện chúng tôi đang bàn đến biểu tượng tiên tri năm 1863. Chúng tôi đã tập trung sự chú ý vào Kadesh trong Kinh Thánh như một biểu tượng về sự nổi loạn của Y-sơ-ra-ên cổ đại chống lại 'sự yên nghỉ', và chính sự nổi loạn đó đã dẫn đến cái chết của họ qua một giai đoạn kết thúc tại Kadesh; qua đó minh họa cho sự khước từ 'những đường lối xưa' của Giê-rê-mi vào năm 1863, khi 'bảy lần' trong Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu bị bác bỏ.

Trong việc theo đuổi ánh sáng liên hệ với Kadesh và năm 1863, chúng ta đã xác định mười thử thách dẫn đến Kadesh. Chúng ta đã xác định ba thử thách đầu tiên là thử thách về ma-na. Ba bước đó có thể được xem như các phép lạ hoặc các thử thách, và sự an nghỉ ngày Sa-bát, là thử thách thứ nhất trong mười thử thách, tương ứng với thử thách thứ mười, điều mà Phao-lô trong sách Hê-bơ-ro đã xác định rất rõ ràng là “sự an nghỉ.” Mười thử thách ấy có một sự an nghỉ alpha và một sự an nghỉ omega.

Không quan trọng người nghiên cứu lời tiên tri muốn định nghĩa “sự yên nghỉ” mà dân Hê-bơ-ro đã khước từ tại Kadesh như thế nào—vì về phương diện tiên tri, mọi “sự yên nghỉ” (dòng trên dòng) đều ám chỉ “sự yên nghỉ và sự làm tươi mới” tức là mưa rào muộn. Kadesh là biểu tượng tiêu biểu nhất cho sự khước từ sứ điệp mưa rào muộn, đồng thời cũng cho sự khước từ kinh nghiệm mưa rào muộn, vì sự đóng ấn được thực hiện trên một trăm bốn mươi bốn ngàn tại Kadesh là một sự vững chắc trong lẽ thật, cả về trí tuệ lẫn thuộc linh.

Ngay khi dân sự của Đức Chúa Trời được đóng ấn nơi trán họ—đó không phải là một ấn tín hay dấu hiệu có thể nhìn thấy, mà là sự vững định trong lẽ thật, cả về trí tuệ lẫn tâm linh, đến nỗi họ không thể bị lay chuyển—ngay khi dân sự của Đức Chúa Trời được đóng ấn và chuẩn bị cho cuộc sàng sảy, thì nó sẽ đến. Thật vậy, nó đã bắt đầu rồi; các sự phán xét của Đức Chúa Trời hiện đang giáng trên đất, để cảnh báo chúng ta, hầu cho chúng ta biết điều sắp đến. Chú giải Kinh Thánh của Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, tập 4, 1161.

Việc “vững vàng trong lẽ thật” “về mặt trí tuệ” biểu thị sự chấp nhận phương pháp “dòng nọ nối dòng kia” như phương pháp duy nhất đã được thánh hóa trong việc nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời. Cách tiếp cận hẹp này đã được xác nhận là đúng vào tháng 8 năm 1840, khi “vô số người đã được thuyết phục về tính đúng đắn của các nguyên tắc giải nghĩa lời tiên tri được Miller và các cộng sự chấp nhận, và một xung lực kỳ diệu đã được ban cho phong trào tái lâm.” “Xung lực kỳ diệu” ấy tượng trưng cho sự bày tỏ quyền năng của Đức Thánh Linh, Đấng đã sai sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đi khắp thế giới vào năm 1840.

Những người tham gia vào công việc thể hiện “động lực kỳ diệu” đã được quyền năng của Đức Thánh Linh ban cho để thực hiện chính công việc ấy. Đức Thánh Linh chỉ bày tỏ quyền năng của

Ngài giữa những người đã chấp nhận phương pháp thánh thiêng. Đức Thánh Linh chỉ bày tỏ quyền năng của Ngài bên trong những người đã chấp nhận phương pháp thánh thiêng.

Vững lập trong lẽ thật về mặt trí tuệ là sự chấp nhận phương pháp “dòng trên dòng”, và sự “chấp nhận” phương pháp “dòng trên dòng” ấy được trình bày cho một người La-ô-đi-xê như là việc mở cánh cửa lòng để Sứ giả cho La-ô-đi-xê, tức Đức Thánh Linh, bước vào. Sự chấp nhận phương pháp thánh này đem quyền năng của Đức Thánh Linh vào tâm trí những người đang vững lập trong lẽ thật về mặt trí tuệ. Sự chấp nhận phương pháp đó sinh ra một đời sống thuộc linh được mô tả như sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính. Việc áp dụng phương pháp Kinh Thánh “dòng trên dòng”, khi được hòa cùng đức tin, được xem là vững lập trong lẽ thật về mặt trí tuệ, và lẽ thật (sứ điệp) do phương pháp ấy sản sinh không thể tách rời khỏi Chúa Giê-su, là Ngôi Lời. Chấp nhận sứ điệp của Lời Ngài là chấp nhận Đức Thánh Linh vào trong tâm trí bạn. Vậy nên, vững lập trong lẽ thật về mặt trí tuệ tạo nên kinh nghiệm thuộc linh nhận được ấn chứng chấp thuận của Đức Chúa Trời.

Kadesh là thử thách cuối cùng đối với Israel cổ đại. Hai hạng người uống rượu trong sách Joel được tách biệt và phân biệt với nhau dựa trên việc khước từ hay chấp nhận sứ điệp mưa cuối mùa mà Joel gọi là “rượu mới”, trái ngược với thứ rượu lên men mà hạng kia đang uống. “Rượu mới” của Joel chính là “sự yên nghỉ” của Paul trong Hebrews chương ba và bốn. Nó cũng là điều mà “những kẻ say sưa của Ephraim” theo Isaiah từ chối “nghe”—“ngài đã nói với họ: ‘Đây là sự yên nghỉ nhờ đó các ngươi có thể cho kẻ mệt mỏi được yên nghỉ; và đây là sự tươi mới’; nhưng họ đã không chịu nghe. Nhưng lời của Chúa đối với họ là điều răn trên điều răn, điều răn trên điều răn; dòng trên dòng, dòng trên dòng; chỗ này một ít, chỗ kia một ít; để họ đi, rồi ngã ngựa, và bị gãy vỡ, mắc bẫy, và bị bắt.’”

Chúng tôi đã xác định rằng cuộc nổi loạn con bê vàng của A-rôn đại diện cho 'hai' trong mười thử thách kết thúc tại Kadesh. Việc chia thử thách đó thành hai thử thách phù hợp với thời kỳ thử thách của mưa cuối mùa, được biểu trưng bởi "bài thử hình tượng của con thú", là bài thử quyết định vận mệnh của dân Đức Chúa Trời. Khải Huyền đoạn mười ba cho thấy 'sự phản loạn', vì con số 'mười ba' tượng trưng cho sự phản loạn.

Chương mở đầu với con thú từ biển mang tính giáo hoàng, biểu tượng hàng đầu của sự phản loạn trên đất, khi Đa-ni-ên xác định nó là quyền lực nói những lời lớn lao chống lại Đấng Tối Cao. Sự phản loạn đó được tiếp nối bởi sự phản loạn của con thú từ đất, tức Hoa Kỳ, rồi buộc cả thế giới phải theo gương phản loạn của mình. Mẫu thức cho cuộc phản loạn thứ ba trong chương được tìm thấy ở cuộc phản loạn thứ nhất trong ba cuộc ấy, được biểu thị bằng con thú từ biển, biểu tượng của Vatican. Ở câu mười một, Hoa Kỳ nói như một con rồng và do đó lập nên một tượng ảnh cho con thú, tức hình ảnh của Vatican. Từ câu mười hai trở đi, Hoa Kỳ buộc thế giới làm điều tương tự. Sự phản loạn của A-rôn có hai phần, tượng trưng cho sự phản loạn của Hoa Kỳ, rồi đến sự phản loạn của toàn thế giới khi tượng ảnh toàn cầu của Vatican được áp đặt.

Sự phản nghịch của A-rôn cho thấy cả hai thời kỳ: thờ hình tượng khi Môi-se vắng mặt, rồi thờ hình tượng khi Môi-se có mặt. Môi-se đang nhận Luật Pháp, vì vậy ông đại diện cho Luật Pháp của Đức Chúa Trời như điểm ranh giới trong cuộc phản nghịch. Kỳ thử thách được biểu trưng bởi hình

tượng bê vàng của A-rôn là kỳ thử thách năm 1863.

Đó là bài thử về luật Chúa nhật, tượng trưng cho ranh giới giữa sự sống và sự chết. Đó là ranh giới giữa Đất Hứa và sự chết nơi đồng vắng, ranh giới giữa máu của con thú và ấn của Đức Chúa Trời, ranh giới giữa số phận của Shebna người Laodicê và Eliakim người Philadelphi. Ba bài thử đầu tiên, được biểu trưng bởi ma-na, tượng trưng cho cuộc tranh luận về ngày Sa-bát hay Chúa nhật; bài thử thứ mười cũng vậy. Ranh giới trong biến cố con bê vàng của A-rôn đại diện cho cả bài thử thứ năm và thứ sáu — và chính là luật Chúa nhật.

Sự thử thách thứ tư là chuyện nước tại Massah (nghĩa là 'thử thách') và Meribah (nghĩa là "biểu kỳ của Đức Giê-hô-va"), được chép trong Xuất Hành 17:1-7, nơi nó được xác định trực tiếp là "thử Chúa".

Toàn thể hội chúng của con cái Israel khởi hành từ hoang mạc Sin, đi từng chặng theo mệnh lệnh của Chúa, và đóng trại tại Rê-phi-đim; nhưng ở đó không có nước cho dân uống. Vì thế dân sự tranh cãi với Môi-se và nói: Hãy cho chúng tôi nước để chúng tôi uống. Môi-se nói với họ: Sao các ngươi tranh cãi với ta? Sao các ngươi thử Chúa? Ở đó dân khát nước; và dân oán trách Môi-se, nói: Tại sao ông đã đưa chúng tôi ra khỏi Ai Cập, để làm cho chúng tôi, con cái chúng tôi và súc vật của chúng tôi phải chết khát?

Môi-se kêu cầu cùng Chúa rằng: Con phải làm gì cho dân này? Họ sắp ném đá con rồi.

Và Chúa phán cùng Môi-se: Hãy đi trước dân sự, đem theo với ngươi một số trường lão của Y-sơ-ra-ên; và cây gậy của ngươi, là cây gậy ngươi đã dùng để đập sông, hãy cầm trong tay mà đi. Kìa, Ta sẽ đứng trước mặt ngươi tại đó, trên tảng đá ở Hô-rép; ngươi sẽ đập tảng đá, và nước sẽ chảy ra từ đó để dân sự uống. Môi-se bèn làm như vậy trước mặt các trường lão của Y-sơ-ra-ên.

Và ông gọi tên nơi ấy là Massah và Meribah, vì sự cãi cọ của con cái Israel, và vì họ đã thử thách Chúa mà nói: “Chúa có ở giữa chúng ta hay không?” Xuất Hành 17:1-7.

Sự thử thách được biểu trưng bởi “Massah” và cờ hiệu được biểu trưng bởi “Meribah” là phần khởi đầu mang tính tiên tri, gặp phần kết thúc tiên tri của nó khi Môi-se đập vào cùng Vàng Đá ấy lần thứ hai. Điều này có nghĩa là lần khiêu khích thứ tư trong mười lần khiêu khích được thể hiện tại Kadesh, vì Kadesh thứ hai là nơi Môi-se đập vào Vàng Đá trong sự phản nghịch. Điều này cho thấy rằng Kadesh, như một biểu tượng, bao hàm sự thử thách về nước sinh ra một cờ hiệu.

Sự thử nghiệm bằng nước làm xuất hiện cờ hiệu là sự thử nghiệm của sứ điệp mưa cuối mùa. Năm 1863 là thời điểm cờ hiệu lẽ ra phải được giương lên, nhưng than ôi; 1863 chỉ là Ka-đe thứ nhất, còn Ka-đe thứ hai sẽ diễn ra khi luật Chủ nhật sắp tới. Ma-sa và Mê-ri-ba tượng trưng cho kỳ thử cuối cùng dành cho một trăm bốn mươi bốn ngàn, ngay trước khi họ được giương lên làm cờ hiệu tại thời điểm luật Chủ nhật. Không phải quyền lực của La Mã hay quyền lực của người Do Thái đã sắp đặt cái chết của Đấng Christ. Thảm quyền ấy đã được chuẩn định trong các công nghị trên trời từ muôn đời trước thập tự giá. Môi-se đã dùng cây gậy của mình, cây gậy được chính Đức Chúa Trời xúc dầu, để đánh vào Vàng Đá — nhưng chỉ một lần. Theo linh hứng, Vàng Đá ấy được tượng trưng bởi các sứ điệp từ năm 1840 đến 1844, là những lễ thật nền tảng xưa tượng trưng cho

nẻo người công bình. Trong kỳ thử nghiệm được biểu tượng bởi Ma-sa, nước đem sự cứu rỗi là nước chảy ra từ Vàng Đá của các nẻo xưa. Nguồn nước ấy thử luyện và phân ra hai hạng: một thuộc về dầu của con thú, và hạng kia thuộc về ấn của Đức Chúa Trời, như được biểu lộ qua ấn của Đức Chúa Trời đặt trên những người được giương lên làm cờ hiệu — điều được Mê-ri-ba tượng trưng.

Đền thờ đã được hoàn tất trước sắc lệnh thứ ba của Artaxerxes, qua đó xác lập rằng đền thờ Millerite mà Đấng Christ đã dựng lên trong 46 năm, từ 1798 đến 1844, đã được hoàn tất trước thiên sứ thứ ba, vốn được biểu trưng bởi sự xuất hiện của sắc lệnh thứ ba. Một trăm bốn mươi bốn ngàn được đóng ấn ngay trước luật Chủ nhật; khi ấy họ được giương cao làm tiêu kỳ, như của lễ đầu mùa của Lễ Ngũ Tuần, như thuở xưa. Massa và Meribah chỉ ra phép thử về nước được biểu trưng bởi sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm trong lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ ba.

Công việc kết hợp Thiên tính với nhân tính cũng được trình bày như việc kết hợp của hai đền thờ. Nó cũng được mô tả như hôn nhân, trong đó một người nam và một người nữ, hoặc một đền thờ nữ và một đền thờ nam, được hiệp lại và trở nên một thịt. Đấng Christ đã dựng lên đền thờ Millerite nhằm dẫn dắt họ vào đền thánh trên trời của Ngài, nơi họ sẽ tìm thấy “sự yên nghỉ”, được tượng trưng trong lịch sử năm 1844 bởi ngày Sa-bát ngày thứ bảy.

Khi cách hiểu này về Ma-sa và Mê-ri-ba, như là bài thử nghiệm thứ tư, được áp dụng vào giữa một bài thử nghiệm mở đầu cũng đại diện cho ba bài thử nghiệm, và rồi được tiếp nối bởi luật ngày Chủ nhật của các bài thử nghiệm thứ năm và thứ sáu—thì bạn có thể thấy, nhưng chỉ khi bạn sẵn lòng thấy, rằng ba lần thử nghiệm về ma-na là bài thử nghiệm thứ nhất, tiếp theo là một bài thử nghiệm dẫn tới bài thử nghiệm thứ ba mang tính kép về bê vàng của A-rôn. Ma-sa và Mê-ri-ba được trình bày cùng nhau, vì chỉ trong sứ điệp của thiên sứ thứ hai mới có một sự “nhân đôi” mang tính tiên tri. Ba bài thử nghiệm đầu tiên về ma-na là sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Bài thử nghiệm Ma-sa và Mê-ri-ba là sứ điệp của thiên sứ thứ hai và sự phản nghịch của A-rôn là sứ điệp của thiên sứ thứ ba.

Bài thử thách thứ năm là thử thách về con bò vàng của A-rôn, bắt đầu bằng một biểu hiện của sự thờ hình tượng khi những kẻ phản nghịch tưởng rằng sự phản nghịch trần trụi của họ đã bị che giấu khỏi Đức Chúa Trời.

Khi dân chúng thấy Môi-se chậm xuống núi, họ bèn tụ họp lại với A-rôn và nói với ông: “Hãy đứng dậy, làm cho chúng tôi những thần sẽ đi trước chúng tôi; vì còn Môi-se này, người đã đưa chúng tôi ra khỏi đất Ai Cập, chúng tôi chẳng biết điều gì đã xảy đến cho ông.” A-rôn nói với họ: “Hãy tháo những bông tai bằng vàng ở tai vợ các ngươi, con trai các ngươi và con gái các ngươi, rồi đem đến cho ta.” Cả dân chúng đều tháo những bông tai vàng ở tai mình và đem đến cho A-rôn. Ông nhận lấy từ tay họ, đúc thành một con bê, rồi dùng đồ chạm mà gọt đẽo nó; và họ nói: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, đây là các thần của ngươi đã đưa ngươi lên khỏi đất Ai Cập.” Khi A-rôn thấy vậy, ông xây một bàn thờ trước nó; rồi A-rôn rao báo: “Ngày mai là ngày lễ kính Đức Chúa.”

Và họ dậy sớm vào ngày hôm sau, dâng của lễ thiêu và dâng của lễ bình an; dân chúng ngồi xuống để ăn uống, rồi đứng lên để vui chơi. Xuất Ê-díp-tô Ký 32:1-6.

Bài thử thách thứ sáu là phần thứ hai của cuộc nổi loạn bê vàng, khi Môi-se trở về sau khi nhận Mười Điều Răn. Môi-se hỏi: "Ai đứng về phía Chúa?" Đa số vẫn thờ ơ hoặc đứng về phe những kẻ thờ hình tượng, bộc lộ công khai chính sự phản loạn ấy ngay trước mặt người trung gian.

Hai phép thử thứ năm và thứ sáu rõ ràng tiêu biểu cho và ăn khớp với luật ngày Chủ nhật. Ê-li trên núi Cạt-mên nêu ra một câu hỏi tương tự như Môi-se đã nêu. "Hãy chọn hôm nay các người sẽ phục vụ ai" chỉ về phép thử của luật ngày Chủ nhật. Tính biểu tượng của phép thử về ảnh tượng của con thú chỉ đến luật ngày Chủ nhật. Sự phân chia của người Lê-vi trong câu chuyện của A-rôn và sự phân chia của mười hai chi phái trong câu chuyện về hai con bê vàng của Giê-rô-bô-am xác định sự phân chia giữa những người khôn và dại tại thời điểm luật ngày Chủ nhật. Những người La-ô-đi-xê là các trinh nữ dại, như Bà White đã làm chứng; vì vậy sự phân chia các trinh nữ tại thời điểm luật ngày Chủ nhật là sự phân chia giữa La-ô-đi-xê và Phi-la-đen-phi. Hai phép thử thứ năm và thứ sáu, vốn là một phép thử kép, ăn khớp với luật ngày Chủ nhật; điều đó có nghĩa là chúng ăn khớp với năm 1863 và Ka-đê.

Các chương ba mươi hai và ba mươi ba của Xuất Hành được ứng nghiệm trong cùng một ngày, chỉ cách nhau vài giờ, và ngày đó tiêu biểu cho năm 1863 và Kadesh. Trong chương ba mươi ba, Môi-se xin được thấy vinh quang của Đức Chúa Trời. Vì vậy, chúng ta thấy Môi-se trong lần chọc giận thứ năm và thứ sáu được biến đổi thành nhóm một trăm bốn mươi bốn nghìn. Cũng chính Môi-se ấy ở Kadesh đập vào Tầng Đá lần thứ hai, qua đó đại diện cho một nhóm người bị Tầng Đá mà họ đã từ chối ngã xuống đê nát. Tầng Đá ấy là một sứ điệp, vì vậy có hai biểu tượng về Môi-se tại Kadesh: một biểu lộ vinh quang của Đức Chúa Trời và một biểu tượng thì khước từ Tầng Đá.

Nguyện cho những ai đứng làm người canh gác của Đức Chúa Trời trên tường thành Si-ôn là những người có thể nhìn thấy những hiểm nguy trước mắt dân sự, những người có thể phân biệt giữa lẽ thật và sai lầm, công chính và bất chính.

"Lời cảnh báo đã đến: Không được cho phép bất cứ điều gì chen vào làm lung lay nền tảng của đức tin mà trên đó chúng ta đã xây dựng kể từ khi sứ điệp đến vào các năm 1842, 1843 và 1844. Tôi đã ở trong sứ điệp này, và kể từ đó đến nay tôi đã đứng trước thế gian, trung thành với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Chúng tôi không chủ trương rời khỏi nền tảng mà chúng tôi đã đứng, nền tảng được hình thành khi ngày qua ngày chúng tôi tìm kiếm Chúa bằng những lời cầu nguyện tha thiết, khẩn cầu ánh sáng. Bạn có nghĩ rằng tôi có thể từ bỏ ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi không? Ánh sáng ấy phải vững như Vàng Đá Muôn Đời. Từ khi được ban, nó đã dẫn dắt tôi." Review and Herald, ngày 14 tháng 4, năm 1903.

Một trong những biểu tượng của "Môi-se tại Kadesh" là việc đánh vào Tầng Đá bằng một cây gậy, một biểu tượng của uy quyền. Lần thứ nhất đó là uy quyền của Đức Chúa Trời, còn lần thứ hai là uy quyền của loài người. Tầng lớp được Môi-se đại diện tại Kadesh lần thứ hai được mô tả là những kẻ say rượu của Ephraim, những người dùng uy quyền thần học của họ (cây gậy) để tấn công sứ điệp về mưa cuối mùa, tức là sứ điệp về các nẻo xưa từ năm 1840 đến 1844.

Tất cả các sứ điệp đã được ban từ năm 1840 đến 1844 nay phải được trình bày một cách mạnh mẽ, vì có nhiều người đã mất phương hướng. Những sứ điệp ấy phải đến với mọi hội thánh.

Đấng Christ phán: “Phước cho mắt của anh em, vì chúng thấy; và tai của anh em, vì chúng nghe. Vì quả thật, ta nói với anh em: nhiều đấng tiên tri và người công chính đã ao ước được thấy những điều anh em thấy mà không được thấy; và được nghe những điều anh em nghe mà không được nghe” [Ma-thi-ơ 13:16, 17]. Phước thay cho những đôi mắt đã chứng kiến những điều xảy ra vào các năm 1843 và 1844.

“Sứ điệp đã được ban ra. Và không được chậm trễ trong việc nhắc lại sứ điệp, vì các dấu chỉ của thời cuộc đang ứng nghiệm; công cuộc kết thúc phải được hoàn tất. Một công việc lớn sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Một sứ điệp sẽ sớm được ban theo sự chỉ định của Đức Chúa Trời và sẽ dâng lên thành tiếng kêu lớn. Bấy giờ Đa-ni-ên sẽ đứng nơi phần của mình để làm chứng.” Bản Thảo Được Công Bố, tập 21, trang 437.

Phép thử đầu tiên về ma-na gồm ba phép thử. Phép thử cuối cùng trong mười phép thử là phép thử của thiên sứ thứ ba. Cả phép thử đầu và phép thử cuối đều dùng “nghỉ ngơi” làm biểu tượng của phép thử. Phép thử đầu tiên gồm ba phép thử, tượng trưng cho thiên sứ thứ nhất rồi tiếp đến thiên sứ thứ hai; còn phép thử thứ tư—nơi diễn ra sự đóng ấn và việc được giương lên như một cờ hiệu—được biểu trưng bởi Ma-sa và Mê-ri-ba. Thiên sứ thứ ba, được biểu trưng bởi phép thử thứ năm và thứ sáu, chính là phép thử thứ ba, tiếp nối phép thử thứ hai tại Ma-sa và Mê-ri-ba, và phép thử thứ nhất về ma-na.

Sự chọc giận tại Taberah được trình bày trong Dân Số Ký 11:1-3 là thử thách thứ bảy. Những câu giới thiệu về sự thử thách bằng lửa của đức tin được biểu trưng bởi “Taberah” — nghĩa là “một nơi thiêu đốt” — được đặt trước bởi những câu mô tả sự di chuyển của dân Đức Chúa Trời qua đồng vắng. Sự thiếu kiên nhẫn bộc lộ ở chương mười được đặt trong thế tương phản với một trăm bốn mươi bốn ngàn người theo Chiên Con đi đầu Ngài đi đó. Họ là những người có sự nhẫn nại của các thánh đồ, nhưng Israel xưa lại bộc lộ sự thiếu kiên nhẫn ở chương mười, điều dẫn đến cơn thử luyện bằng lửa của họ ở chương mười một.

Và họ rời khỏi núi của Chúa, đi ba ngày đường; Hòm Giao Ước của Chúa đi trước họ trong ba ngày đường để tìm cho họ một chỗ nghỉ. Đám mây của Chúa ở trên họ ban ngày, khi họ ra khỏi trại. Khi Hòm khởi hành, Môi-se nói: Lạy Chúa, xin chỗi dậy; nguyện các kẻ thù của Ngài bị tan tác, và những kẻ ghét Ngài chạy trốn trước mặt Ngài. Khi Hòm dừng lại, ông nói: Lạy Chúa, xin trở về với muôn ngàn người Israel. Dân Số Ký 10:33-36.

Câu tiếp theo giới thiệu cuộc nổi loạn tại Taberah.

Khi dân sự phàn nàn, điều ấy không đẹp lòng Đức Giê-hô-va; Đức Giê-hô-va nghe điều đó, cơn giận Ngài bùng cháy; lửa của Đức Giê-hô-va bùng lên giữa họ và thiêu rụi những kẻ ở tận rìa trại. Dân sự kêu cầu Môi-se; và khi Môi-se cầu nguyện cùng Đức Giê-hô-va, lửa liền tắt. Người đặt tên nơi ấy là Ta-bê-ra, vì lửa của Đức Giê-hô-va đã cháy giữa họ. Dân-số Ký 11:1-3.

Sự khiêu khích xảy ra sau sự bày tỏ của lửa là lòng thèm khát thịt, và đó là kỳ thử nghiệm thứ tám. Điều này được chép trong Dân-số Ký 11:4-34. Sự kêu trách tại Taberah biểu thị một bản tính cao hơn đã bị bại hoại, sự thiếu kiên nhẫn, còn sự phản loạn của lòng ham mê các nôi thịt của Ai Cập thì biểu thị bản tính thấp hơn. Lửa tượng trưng cho sự tinh luyện bằng lửa của Sứ giả của Giao ước trong Ma-la-chi đoạn ba, vì theo nghĩa tiên tri, Taberah có nghĩa là nơi thiêu đốt, và nơi thiêu đốt

trong Lời tiên tri của Đức Chúa Trời nằm ở Ma-la-chi đoạn ba, nơi lửa tạo ra một nhóm người thiếu kiên nhẫn được định phải bị thanh tẩy và một nhóm người kiên nhẫn được tinh sạch như một của lễ được dâng lên.

Những người được Môi-se đại diện trong cuộc thử nghiệm kép về bản tính cao hơn và thấp hơn ở Taberah là một trăm bốn mươi bốn nghìn người đã vững vàng trong lễ thật cả về trí tuệ lẫn tâm linh. Trí tuệ nhận diện bản tính cao hơn, và về phương diện tâm linh, nó biểu thị sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính. Thần tính chỉ có thể kết hợp với nhân tính khi bản tính thấp hơn bị đóng đinh và chết đi. Được vững vàng trong lễ thật cả về trí tuệ lẫn tâm linh biểu thị kinh nghiệm được đóng ấn. Lửa của Taberah tượng trưng cho sự phân rẽ cuối cùng giữa lúa mì và cỏ lùng trong công cuộc của Đấng Christ dựng nên đền thờ của một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Thử thách thứ chín là cuộc phản loạn của Mi-ri-am và A-rôn, được ghi lại trong Dân Số Ký 12. Sự khiêu khích ấy không khác mấy so với sự khiêu khích của Cô-rê, Đa-than và A-bi-ram, hay với sự kiện ở Minneapolis vào năm 1888. Vấn đề không chỉ là khước từ sứ điệp của Đức Chúa Trời, mà còn là khước từ người lãnh đạo do Ngài chọn.

Sự lên án đối với giới lãnh đạo, những người không chỉ khước từ sứ điệp mà còn cả sứ giả, đi trước kỳ thử thách thứ mười. Giới lãnh đạo bộc lộ mình là những kẻ bội đạo ngay trước Luật Chủ nhật, vốn là kỳ thử thách thứ mười. Luật Chủ nhật tương ứng với thập tự giá, và trên đường đến thập tự giá, tức là Luật Chủ nhật, giới lãnh đạo đã chọn Ba-ra-ba, một Đấng Christ giả, vì “bar” nghĩa là “con của” và “abba” nghĩa là “cha.” Khi tiến gần đến thập tự giá (Luật Chủ nhật) hay Kadesh, giới lãnh đạo bộc lộ sự bội đạo hoàn toàn, chọn một Đấng Christ giả mạo và cũng trực tiếp tuyên bố với chính quyền dân sự rằng họ không có vua nào ngoài Sê-sa.

Bài thử thứ bảy, thứ tám và thứ chín nhằm nhận diện tiến trình ấn chứng, nhưng hình ảnh minh họa là các trinh nữ dại. Bài thử thứ mười trong các bài ấy là cuộc phản nghịch thứ nhất tại Ca-đê, tiêu biểu cho năm 1863. Từ năm 1846, người Hê-bơ-ơ được đưa đến Si-nai để nhận Luật Pháp. Hai bia Mười Điều Răn là biểu tượng cho mối quan hệ giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên xưa theo nghĩa đen, và hai bảng của Ha-ba-cúc là biểu tượng cho mối quan hệ giao ước của Y-sơ-ra-ên thuộc linh thời hiện đại. Bảng thứ hai được trình bày vào năm 1850, và cũng như Y-sơ-ra-ên xưa đã thề nguyện giữ Luật Pháp, đến năm 1856 một bài thử cuối cùng được đưa ra, tiêu biểu bởi việc các thám tử đi do thám Đất Hứa. Quan điểm đa số hình thành trong bảy năm từ 1856 đến 1863 là rằng đồng vắng La-ô-đi-xê là nơi họ muốn chết.

Giai đoạn từ 1844 đến 1863 được tiêu biểu bởi một thời kỳ bắt đầu với phép báp-têm tại Biển Đỏ và kết thúc bằng một phép báp-têm khác tại sông Giô-đanh, chính tại địa điểm mà sau này, khi chịu Giăng làm báp-têm, Chúa Giê-su trở thành Đấng Christ. Phép báp-têm tại Biển Đỏ xác định một mối quan hệ giao ước với Y-sơ-ra-ên xưa. Mối quan hệ ấy khởi đầu bằng một hôn ước, đồng thời khởi phát một quá trình thử thách gồm mười bước. Sau đó họ được đưa đến Si-na-i và hứa giữ luật pháp của Ngài, nhưng đã không giữ, rồi thất bại ở bài thử thứ mười, cũng là cuối cùng, trong cuộc phản loạn thứ nhất tại Ca-đê. Sau bốn mươi năm, và sau cuộc phản loạn thứ hai, lớn hơn, tại Ca-đê, họ đã vào Đất Hứa bằng cách chịu báp-têm tại sông Giô-đanh.

Tất cả các cột mốc của báp-tem đều gắn liền với giao ước. Lịch sử của Ômega và của Kadesh thứ hai tương ứng với lịch sử của Kadesh thứ nhất, tức Kadesh Anpha. Cuộc phản nghịch Ômega của Môi-se lớn hơn nhiều so với cuộc phản nghịch của cả một dân tộc trong cuộc phản nghịch Anpha tại Kadesh. Ômega luôn lớn hơn. Cả hai cuộc phản nghịch ấy cùng nhau biểu trưng cho sự phản nghịch của những người có học và không có học mà Ê-sai nói đến, những người từ chối bước vào sự yên nghỉ của sứ điệp mưa rào sau.

Ba phép báp-têm (Biển Đỏ, sông Giô-đanh và sông Giô-đanh), phép thứ nhất của Môi-se và phép cuối cùng của Đấng Christ, do đó Môi-se là alpha và Đấng Christ là omega. Chữ cái nằm giữa chữ thứ nhất và chữ thứ hai mươi hai của bảng chữ cái Hê-bơ-ơ, tức chữ thứ mười ba, khi được gắn vào và đặt sau chữ cái thứ nhất, rồi chữ thứ nhất đó lại được gắn với chữ cái cuối cùng là chữ thứ hai mươi hai, sẽ tạo thành từ Hê-bơ-ơ “sự thật”. Phép báp-têm ở giữa là tại sông Giô-đanh và Kadesh. Phép báp-têm thứ nhất tại Biển Đỏ được tiếp nối bởi phép báp-têm tại sông Giô-đanh. Nhưng phép báp-têm thứ nhất tại sông Giô-đanh đã bị hoãn bốn mươi năm, cho đến lần thứ hai viếng thăm Kadesh và phép báp-têm thực sự tại sông Giô-đanh. Phép báp-têm thứ ba, tượng trưng cho thời kỳ thăm viếng dành cho người Do Thái, đã đến khi Đấng Christ bắt đầu công việc xác nhận giao ước trong một tuần lễ để ứng nghiệm Đa-ni-ên đoạn chín, câu hai mươi bảy, và đó là giờ phán xét cho Y-sơ-ra-ên xưa.

Phép báp-têm thứ nhất tại Biển Đỏ là sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, và hai lần đến Kadesh tượng trưng cho một sự “nhân đôi”, vì lần đến Kadesh thứ nhất và tại sông Jordan là nơi sự phản loạn của dân giao ước của Đức Chúa Trời được bày tỏ, còn tại Kadesh lần thứ hai thì sự phản loạn của giới lãnh đạo được bộc lộ. Kadesh và hai lần đến ấy tượng trưng cho sự nhân đôi của sứ điệp thiên sứ thứ hai, nơi hai hạng người được bày tỏ, và cả hai hạng đều được đại diện bởi dân chúng cũng như giới lãnh đạo. Phép báp-têm của Đấng Christ là sứ điệp của thiên sứ thứ ba, khi lúa mì và cỏ lùng được tách ra, như Israel cổ đại đã bị tách khỏi nòng dâu Cơ Đốc mà Đấng Christ đã cưới trong giờ phán xét của Israel cổ đại.

Giai đoạn từ 1844 đến 1863 là từ Biển Đỏ đến cuộc nổi loạn đầu tiên tại Kadesh. Năm 1844 là cuộc vượt qua Biển Đỏ, năm 1846 là ma-na, biểu tượng của thử thách về ngày Sa-bát mà vợ chồng White đã vượt qua vào năm 1846 khi họ kết hôn. Năm 1849 Chúa vuron tay lần thứ hai để tập hợp dân của Ngài. Ngài đã tập hợp họ trong thời kỳ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, khi bảng thứ nhất của Habakkuk xuất hiện trong lịch sử, và bảng thứ hai cũng được định cho cùng mục đích.

Bảng ômega 1850 dùng để quy tụ và thử nghiệm, vì đó chính là điều mà bảng anpha 1843 đã làm. Thiên sứ thứ nhất có một bảng, và thiên sứ thứ ba cũng có một bảng, vì thứ nhất là anpha và thứ ba là ômega. “Hai bảng” là những cột mốc của thiên sứ thứ nhất và thứ ba—không phải của thiên sứ thứ hai. Thời kỳ tiên tri của các “bảng” bắt đầu bằng một bảng có sai sót và kết thúc bằng một bảng không có sai sót. Lịch sử giữa hai bảng là lịch sử của thiên sứ thứ hai, trong đó bảng được gác lại cho đến năm 1850.

Sau khi năm 1843 kết thúc vào ngày 19 tháng 4 năm 1844, bảng 1843 đã bị gác lại vì khi đó nó đã dự đoán sai về năm 1843. Từ ngày 19 tháng 4 năm 1844 cho đến năm 1850 không có bảng của Habakkuk. Trong lịch sử của thiên sứ thứ hai, không có bảng và Babylon đã sụp đổ. Alpha là một

bảng, Omega là một bảng, và ở giữa là sự sụp đổ của Babylon; một biểu tượng của sự phản loạn gắn liền với thời kỳ không có bảng. Giai đoạn lịch sử của các bảng của Habakkuk mang dấu ấn của chân lý.

Năm 1850 được biểu trưng bởi Si-nai và việc ban Luật pháp. Sự kiện ấy được tưởng niệm bằng Lễ Ngũ Tuần, khi hai ổ bánh dâng đưa qua đưa lại được giơ lên. Tiến trình giơ các ổ bánh dâng ấy được biểu thị bởi việc in ấn và quảng bá tấmbảng vào tháng 5 năm 1842, và bởi lịch sử năm 1849 khi tấmbảng thứ hai được chuẩn bị, cùng năm 1850 khi nó được phổ biến. Giai đoạn này được thể hiện trong dòng của Đấng Christ như năm mươi ngày từ sự phục sinh của Ngài cho đến Lễ Ngũ Tuần, một giai đoạn được chia thành bốn mươi ngày, tiếp theo là mười ngày.

Năm 1849, Đấng Christ giơ tay lần thứ hai, và đến năm 1850, bảng thứ hai của Ha-ba-cúc đã có và tiến trình thử thách dẫn đến Ca-đê được thúc đẩy. Năm 1856, thử thách cuối cùng trong mười thử thách của Y-so-ra-ên cổ đại đã đến khi ánh sáng mới về khai thị tiên tri nền tảng của Miller được đăng trên tạp chí của phong trào. Trong hai nghìn năm trăm hai mươi ngày tiên tri, từ 1856 đến 1863, các thám tử đã vào để do thám xứ. Năm 1863, họ chọn một người lãnh đạo mới để đưa họ trở về Ai Cập.

Chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày những chân lý này trong bài viết tiếp theo.

Trong một khai tượng được ban cho tôi tại Bordoville, Vermont, ngày 10 tháng 12 năm 1871, tôi được cho thấy rằng cương vị của chồng tôi đã hết sức khó khăn. Gánh nặng lo toan và lao nhọc đã đè nặng trên ông. Các anh em đồng lao trong chức vụ không phải mang những gánh nặng này, và họ đã không trân trọng công khó của ông. Sức ép liên tục ấy đã làm ông kiệt quệ cả tinh thần lẫn thể xác. Tôi được cho thấy rằng mối quan hệ của ông với dân của Đức Chúa Trời, ở một vài phương diện, tương tự như mối quan hệ của Môi-se với Israel. Khi ở trong nghịch cảnh, đã có những người kêu ca phàn nàn chống lại Môi-se, và cũng đã có những người kêu ca phàn nàn chống lại ông. Lời chứng, tập 3, 85.